



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Khách hàng: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Hương Canh

Địa chỉ lấy mẫu: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Hương Canh (Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc)

Ngày lấy mẫu: Ngày 19 tháng 3 năm 2025

Thời gian phân tích: Từ ngày 19 tháng 3 đến ngày 26 tháng 3 năm 2025

Tên mẫu: Nước thải

Kí hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:

- NT1: Nước thải tại bể thu gom, trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung 50 m³/ngày.đêm; tọa độ (X: 2353882; Y: 567779)

- NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý 50 m³/ngày.đêm, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Hương Canh; tọa độ (X: 2353889; Y: 567773)

Lưu lượng nước thải: 25 m³/ngày,đêm (do công ty cung cấp)

Bảng tổng hợp kết quả phân tích

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Đơn vị tính	Kết quả		Giá trị C _{max}
				NT1	NT2	B
1	pH*	TCVN 6492:2011	-	7,66	7,28	5,5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	TCVN 6625:2000	mg/L	43,8	35,6	108
3	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅)*	TCVN 6001-1:2021	mg/L	35,9	6,23	54
4	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)*	SMEWW 5220C:2023	mg/L	96,4	19,3	162
5	Amoni (NH ₄ ⁺)/N*	TCVN 6179-1:1996	mg/L	33,6	KPH (<0,06)	10,8
6	Sunfua (S ²⁻)*	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	mg/L	<0,07	0,107	0,54
7	Tổng Nitơ (N)*	TCVN 6638:2000	mg/L	45,1	33,5	43,2
8	Tổng Photpho (P)*	TCVN 6202:2008	mg/L	1,26	0,702	6,48
9	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520.B&F:2023	mg/L	3,12	KPH (<1)	10,8
10	Tổng Coliform*	SMEWW 9221B:2023	MPN/100mL	7,9.10 ³	<2	5.000



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VINH PHÚC
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Khai Quang - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc, ĐT: 0211.3847853 Fax: 0211.3861390

VIMCERTS: 028

VILAS: 329

Số: 2025 - 121/QTMT

Ngày: 26/3/2025

Ghi chú:

- Giá trị giới hạn tối đa cho phép của các thông số được xác định theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, Kq = 0,9, Kf = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (do khách hàng cung cấp)
- KPH: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện
- Các chỉ tiêu có dấu (*) đã được cấp chứng chỉ ISO/IEC 17025:2017 mã Vilas 329.

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG *selans*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phan Thị Dung

Phan Thị Dung



Đỗ Khánh Lâm

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích chỉ được giải quyết trong thời gian lưu mẫu (trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả).
3. Không trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Lãnh đạo Trung tâm Quan trắc TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc.



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Khách hàng: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Hương Canh

Địa chỉ lấy mẫu: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Hương Canh (Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc)

Ngày lấy mẫu: Ngày 19 tháng 3 năm 2025

Thời gian phân tích: Từ ngày 19 tháng 3 đến ngày 26 tháng 3 năm 2025

Tên mẫu: Khí thải tại nguồn

Kí hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:

- KTTN1: Khí thải cuối máy nghiền 1; tọa độ (X: 2353789; Y: 567818)

- KTTN2: Khí thải cuối máy nghiền 2; tọa độ (X: 2353788; Y: 567817)

- KTTN3: Khí thải cuối máy nghiền 3; tọa độ (X: 2353719; Y: 567857)

- KTTN4: Khí thải tại ống khói lò đốt của công ty;

tọa độ (X: 2353895; Y: 567844)

Thiết bị sử dụng: Máy lấy mẫu khí Testo 350, Tecora Isostack G4 và các thiết bị phụ trợ khác

Bảng tổng hợp kết quả

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn tối đa cho phép
				KTTN1	KTTN2	KTTN3	B
1	Bụi tổng	US EPA 05	mg/Nm ³	53,1	53,7	55,6	144
2	Lưu lượng	US EPA 02	m ³ /h	17.102	16.915	17.278	-

Bảng tổng hợp kết quả

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn tối đa cho phép
				KTTN4	B
1	Bụi tổng	US EPA 05	mg/Nm ³	54,6	144
2	Nhiệt độ	QTMT-HDLM 23	°C	120	-
3	CO	QTMT-HDLM 20	mg/Nm ³	166,4	720
4	SO ₂		mg/Nm ³	14,8	360
5	NO _x		mg/Nm ³	225,4	612
6	Lưu lượng	US EPA 02	m ³ /h	19.124	-



Ghi chú:

- Giá trị giới hạn tối đa cho phép của các thông số được xác định theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- Nồng độ tối đa cho phép các chất ô nhiễm trong khí thải công nghiệp được tính như sau:

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{\max} (mg/Nm³) là nồng độ tối đa cho phép của khí thải công nghiệp của nhà máy, cơ sở sản xuất khí thải ra không khí

+ C là nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm quy định trong Quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải: Lưu lượng nguồn thải của Công ty nằm trong khoảng 20.000 m³/h < P ≤ 100.000 m³/h nên áp dụng hệ số $K_p = 0,9$

+ K_v là hệ số ứng với các vùng: Công ty đặt tại thị trấn Hương Canh, thuộc vùng 2 nên áp dụng hệ số $K_v = 0,8$

+ Vậy $C_{\max} = C \times 0,72$

- (-) Quy chuẩn không quy định cụ thể.

(Theo Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc Ban hành quy định phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc)

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QTMT

Đào Thị Thu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Khánh Lâm



THINH TRUONG PHAT
CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 10, Đường Lê Lợi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 01226 /2025/PKQ(25.554)

- Đơn vị yêu cầu : Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc
- Địa chỉ : Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Hương Canh, Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Ngày lấy mẫu : 07/03/2025
- Ngày trả kết quả : 19/03/2025
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT100325-023	KTTN4	Khí thải lò đốt (2356892; 567731)	Khí thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	
				KTTN4	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Cmax
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K0099:2004	0,484	36
2	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K0108:2010	3,12	5,4

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Cmax: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với : Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015(Cmax: Kp=0,9; Kv=0,8)

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trần Thị Luyên

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

Handwritten signature of Hữu Thị Ngân

Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

